

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2025/HS-ST**

Ngày: 24 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS, ngày 14 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng P**, sinh ngày 15-02-2001 tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần X và bà Trịnh Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27-12-2024 sau đó chuyển tạm giam từ ngày 30-12-2024; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Đàm Văn T, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1986; cư trú tại: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Danh C, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Trần Hoàng T1, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Danh Vũ P2, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị S, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với nhau trước, khoảng 18 giờ ngày 26-12-2024, Đàm Văn T nhắn tin rủ bị cáo Trần Hoàng P đến tiệm sửa chữa điện thoại của T ở ấp V, Xã V, thị xã N. P đồng ý và chạy xe mô tô biển kiểm soát: 83N1-2405 đến cửa hàng điện thoại của T nhậu. Tại đây, T, Võ Hoàng T2, Danh Vũ P2, Nguyễn Thanh P1 và bị cáo P nhậu chung với nhau.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Võ Hoàng T2, Danh Vũ P2, Nguyễn Thanh P1 đi về, còn lại P và T. Do đã say nên T lên võng nằm ngủ, thấy T đã ngủ nên P nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của T. P lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74 đang sạc để trên nền gạch và điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart JOY3 đang để trên người của T, tiếp tục P lấy bóp da mà T để trên võng nằm đè lên. Sau khi lấy được tài sản P lên xe chạy về nhà thuộc ấp V, xã V, thị xã N.

Sau khi về đến nhà, P đi vào phòng ngủ mở bóp da mà P vừa lấy được của T thấy tiền và giấy tờ, P lấy số tiền 15.420.000 đồng bỏ vào túi quần của P, còn bóp da và giấy tờ của T, P bỏ lại trong phòng ngủ. Sau đó, P điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 83N1-2405 đi ra chợ N. Khi đến khu vực thuộc Khóm F, Phường A, thị xã N thì bị Tổ tuần tra của Công an thị xã N kiểm tra, phát hiện số tiền 15.420.000 đồng, 02 điện thoại, do nghi vấn nên tổ tuần tra đưa P về Công an thị xã N làm việc. Tại đây, Trần Hoàng P tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tiền và hai điện thoại của Đàm Văn T.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 31-12-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N kết luận: Giá trị còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart JOY3, màu đen là 2.066.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N đã tạm giữ: Số tiền 15.420.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A74, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart JOY3, màu đen. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ và trao trả những tài sản nêu trên cho ông Đàm Văn T (bút lục số 37, 40).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đàm Văn T đã nhận lại được tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quyết định số 01/QĐ-VKSNN ngày 13/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố theo thủ tục rút gọn đối với bị cáo Trần Hoàng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố đã luận tội và tranh luận; sau khi phân tích hành vi, mức độ phạm tội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 32; Điều 38; Điều 50; các điểm h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về vật chứng, đã được xử lý đúng quy định nên đề nghị không xem xét. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị không đặt ra xem xét do không có yêu cầu.

- Bị cáo Trần Hoàng P thống nhất với bản cáo trạng, thừa nhận cáo trạng truy tố đúng với toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Đàm Văn T trình bày đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và giữ nguyên đơn yêu cầu bãi nại, đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn H1 và những người làm chứng ông Trần Hoàng T1, ông Danh Vũ P2: Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai đầy đủ và không có yêu cầu gì khác; những người làm chứng đều đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không làm cản trở đến việc xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đương sự và những người làm chứng nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tường trình của bị cáo, của bị hại và những người làm chứng trong quá trình điều tra. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Hoàng P đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản vào ngày 26-12-2024, chiếm đoạt tài sản của bị hại Đàm Văn T

số tiền 15.420.000 đồng và 02 điện thoại di động trị giá 2.066.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.486.000 đồng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Hoàng P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố đối với hành vi của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[4] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, HĐXX xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau đây của bị cáo:

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; bị cáo là người dân tộc khmer, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, trong đó có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và thể hiện rõ ý kiến không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng đã xử lý vật chứng đúng theo đúng quy định nên Kiểm sát viên đề nghị HĐXX không xem xét xử lý là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[12] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 32; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 54; điểm h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 27-12-2024.

2. Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Hoàng P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CQCSĐT Công an thị xã Ngã Năm;
- CQTHAHS Công an thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã V, thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm